

Số: 686/ QĐ-YHP

Hải Phòng, ngày 21 tháng 08 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

*V/v công nhận tốt nghiệp Bác sỹ đa khoa hệ chính quy
khoá 2006 - 2012*

Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng

- Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại Học Y Hải Phòng.
- Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy.
- Căn cứ vào biên bản của Hội đồng thi và xét tốt nghiệp Bác sỹ đa khoa cho sinh viên hệ chính quy khoá 2006 - 2012.
- Theo đề nghị của Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Bác sỹ đa khoa hệ chính quy cho **276 (Hai trăm bảy mươi sáu)** sinh viên khoá 2006 - 2012 kể từ ngày 21/08/2012, trong đó có:

03 sinh viên tốt nghiệp loại **Giỏi**
133 sinh viên tốt nghiệp loại **Khá**
137 sinh viên tốt nghiệp loại **Trung bình khá**
03 sinh viên tốt nghiệp loại **Trung bình**
(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Đào tạo Đại học, Tài chính kế toán, Trung tâm TT-Thư viện, Ban QL KTX và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ GD & ĐT (Vụ ĐH);
- Bộ Y tế (Vụ KHĐT);
- Như điều 2;
- Lưu: ĐTDH, HCTH.

Hiệu trưởng

(Đã ký)

GS. TS. Phạm Văn Thúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
BÁC SĨ ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUY KHÓA 28 (2006-2012)

(kèm theo quyết định số 8/QĐ/YHP, ngày 21 tháng 8 năm 2012)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
1	Trần Ngọc Hân	10/11/1988	Hải Dương	C	8.06	Giỏi
2	Trịnh Thị Lan Hương	24/02/1989	Quảng Ninh	C	8.03	Giỏi
3	Bùi Thị Hoàng Mai	07/04/1988	Hải Dương	C	8.03	Giỏi
4	Lưu Thị Kim Huệ	02/03/1988	Hải Dương	A	7.88	Khá
5	Lâm Thị Thanh Thuý	20/02/1987	Vĩnh Phúc	C	7.87	Khá
6	Ngô Thị Lan Trang	26/10/1988	Vĩnh Phúc	C	7.87	Khá
7	Đỗ Thị Lan Hương	25/04/1988	Hải Phòng	B	7.84	Khá
8	Đỗ Thị Quyên	24/08/1987	Hải Phòng	B	7.84	Khá
9	Lê Thị Nguyệt	22/10/1987	Hải Dương	B	7.82	Khá
10	Đặng Thị Trang	13/02/1988	Hải Dương	C	7.82	Khá
11	Lê Thị Mai Sao	01/01/1987	Vĩnh Phúc	C	7.78	Khá
12	Lạc Văn Quy	25/02/1987	Quảng Ninh	E	7.75	Khá
13	Trần Thị Thanh Huyền	27/10/1988	Hải Phòng	D	7.73	Khá
14	Nguyễn Công Đại	20/10/1987	Bắc Ninh	A	7.71	Khá
15	Đỗ Đình Lượng	28/10/1988	Vĩnh Phúc	C	7.7	Khá
16	Nguyễn Thị Phương Thuý	17/05/1989	Hà Nội	B	7.66	Khá
17	Phạm Chính Nghĩa	05/02/1988	Hải Phòng	B	7.64	Khá
18	Nguyễn Đức Quỳnh	30/07/1988	Vĩnh Phúc	A	7.63	Khá
19	Nguyễn Văn Việt	21/09/1988	Hải Phòng	B	7.63	Khá
20	Nguyễn Thuý Dung	24/06/1988	Hưng Yên	C	7.61	Khá
21	Đồng Minh Hùng	05/02/1988	Hải Phòng	D	7.61	Khá
22	Vũ Thị Ninh	05/12/1988	Hải Phòng	B	7.61	Khá
23	Bùi Mẫn Nguyên	23/01/1987	Hải Phòng	A	7.6	Khá
24	Bùi Văn Dũng	31/08/1988	Hải Dương	D	7.59	Khá
25	Lê Thị Huyền	11/03/1988	Vĩnh Phúc	D	7.59	Khá
26	Nguyễn Thuý Linh	21/10/1988	Hải Dương	D	7.59	Khá
27	Nguyễn Anh Tú	30/12/1988	Hải Phòng	C	7.59	Khá
28	Lại Thị Tươi	04/11/1988	Hưng Yên	D	7.59	Khá
29	Nguyễn Thị Hà	04/11/1988	Bắc Ninh	D	7.58	Khá
30	Đỗ Thị Hằng	01/04/1988	Vĩnh Phúc	D	7.57	Khá
31	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	11/09/1988	Vĩnh Phúc	C	7.57	Khá
32	Nguyễn Thị Lan	27/03/1988	Bắc Ninh	D	7.57	Khá
33	Mai Văn Xuân	17/10/1988	Hưng Yên	C	7.56	Khá
34	Nguyễn Đức Nghị	11/10/1985	Hải Dương	A	7.55	Khá

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
35	Bùi Trà	Giang	23/02/1988	Hưng Yên	A	7.54	Khá
36	Phạm Văn	Nghĩa	05/08/1987	Bắc Ninh	A	7.52	Khá
37	Nguyễn Thị	Ngà	05/06/1988	Hưng Yên	C	7.51	Khá
38	Nguyễn Thị	Nguyễn	07/02/1987	Hải Dương	D	7.49	Khá
39	Phạm Thanh	Hằng	11/04/1988	Hải Phòng	B	7.48	Khá
40	Vũ Thị	Nhung	27/01/1988	Hải Phòng	A	7.48	Khá
41	Hoàng Đức	Hiển	20/06/1986	Hải dương	D	7.46	Khá
42	Đào Lệ	Quyên	02/01/1988	Hà Nội	B	7.46	Khá
43	Nguyễn Thị Quỳnh	Thắm	24/12/1988	Nghệ An	A	7.46	Khá
44	Nguyễn Thị Việt	Anh	02/02/1989	Hải Phòng	A	7.45	Khá
45	Vũ Thị	Thân	02/08/1988	Hải Dương	C	7.45	Khá
46	Nguyễn Thị	Xiêm	13/06/1988	Bắc Ninh	C	7.45	Khá
47	Bùi Thị	Cách	11/06/1988	Hưng Yên	A	7.44	Khá
48	Vũ Thị	Huyền	06/03/1988	Hải Phòng	B	7.44	Khá
49	Nguyễn Văn	Hướng	05/04/1987	Hưng Yên	C	7.42	Khá
50	Nguyễn Thị Thuý	Linh	29/09/1988	Hải Dương	B	7.42	Khá
51	Phạm Thị Thanh	Xuân	05/02/1988	Hải Phòng	D	7.41	Khá
52	Phạm Hồng	Quân	27/04/1987	Vĩnh Phúc	C	7.39	Khá
53	Vũ Thị Ánh	Hồng	22/03/1988	Hải Phòng	B	7.38	Khá
54	Nguyễn Phương	Thảo	10/03/1988	Hải Dương	D	7.38	Khá
55	Đặng Thị	Bích	07/11/1988	Hải Dương	A	7.37	Khá
56	Vũ Thị	Hồng	16/07/1988	Hải Phòng	B	7.37	Khá
57	Nguyễn Thị	Dịu	01/08/1988	Hải Dương	C	7.36	Khá
58	Nguyễn Thị Thu	Lan	29/03/1988	Hải Dương	C	7.36	Khá
59	Trịnh Thị	Mừng	01/08/1987	Hải Dương	A	7.36	Khá
60	Lê Văn	Bảng	17/06/1988	Vĩnh Phúc	D	7.35	Khá
61	Vũ Văn	Lý	20/03/1987	Hải Dương	D	7.35	Khá
62	Trần Văn	Tú	01/06/1987	Hưng Yên	A	7.35	Khá
63	Phan Trọng	Tuệ	27/01/1987	Hà Nội	C	7.35	Khá
64	Nguyễn Thị	Nhung	02/12/1988	Hải Phòng	C	7.34	Khá
65	Nguyễn Minh	Phượng	02/05/1988	Hải Phòng	B	7.33	Khá
66	Phạm Thị	Hằng	20/10/1988	Hải Dương	A	7.32	Khá
67	Nguyễn Thị Hải	Hồng	15/07/1986	Hưng Yên	C	7.32	Khá
68	Trần Văn	Lân	14/07/1988	Hải Phòng	A	7.31	Khá
69	Vũ Mai	Long	21/01/1987	Hưng Yên	C	7.31	Khá
70	Nguyễn Văn	Ngọc	23/09/1988	Bắc Ninh	A	7.3	Khá
71	Đoàn Vũ Minh	Anh	19/11/1988	Hải Phòng	A	7.29	Khá
72	Nguyễn Văn	Hạnh	25/06/1985	Vĩnh Phúc	C	7.29	Khá

STT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
73	Nguyễn Thị Mận	25/05/1988	Bắc Ninh	A	7.29	Khá
74	Trương Thị Việt Nga	17/04/1988	Hải Dương	A	7.29	Khá
75	Nguyễn Thị Nhung	19/04/1988	Quảng Ninh	C	7.29	Khá
76	Đào Thị Minh Phượng	10/11/1988	Quảng Ninh	D	7.29	Khá
77	Nguyễn Thị Ninh Thanh	05/08/1987	Hưng Yên	C	7.29	Khá
78	Ngô Ngọc Đức	06/01/1989	Hải Dương	A	7.28	Khá
79	Bùi Sỹ Khanh	09/08/1988	Hải Phòng	B	7.27	Khá
80	Lê Thị Huyền	15/11/1987	Hưng Yên	A	7.26	Khá
81	Đổng Thị Hồng Luyến	19/02/1988	Hải Dương	A	7.26	Khá
82	Phạm Thị Miên	16/04/1988	Hải Dương	C	7.25	Khá
83	Phạm Thị Hân	08/08/1988	Hải Phòng	B	7.24	Khá
84	Lâm Thu Hạnh	04/10/1988	Quảng Ninh	E	7.24	Khá
85	Lê Anh Nam	02/01/1988	Hải Phòng	C	7.24	Khá
86	Nguyễn Thị Ngọc Thuý	06/09/1987	Hải Phòng	B	7.24	Khá
87	Đào Thị Thanh Nhận	14/01/1988	Hà Nội	A	7.23	Khá
88	Phạm Văn Phan	22/12/1985	Hải Dương	A	7.23	Khá
89	Nguyễn Đức Quyền	26/07/1985	Hải Phòng	D	7.22	Khá
90	Lê Huy Hoàng	01/01/1989	Hải Phòng	B	7.21	Khá
91	Dương Thị Thắm	03/02/1988	Bắc Ninh	A	7.21	Khá
92	Nguyễn Ngọc Thành	11/06/1988	Bắc Ninh	D	7.21	Khá
93	Nguyễn Minh Hồng	10/01/1987	Hải Phòng	D	7.2	Khá
94	Hà Thị Thu Huyền	03/12/1988	Hải Phòng	B	7.2	Khá
95	Trần Thị An	21/03/1988	Quảng Ninh	A	7.19	Khá
96	Nguyễn Thị Loan	16/11/1988	Hưng Yên	A	7.18	Khá
97	Đỗ Anh Bền	25/05/1984	Hà Nội	A	7.16	Khá
98	Phạm Thị Út Trang	01/06/1988	Quảng Ninh	D	7.16	Khá
99	Ngô Thị Thu Hà	08/12/1987	Quảng Ninh	B	7.14	Khá
100	Trần Thị Hiếu	05/10/1983	Bắc Ninh	C	7.14	Khá
101	Trương Thuý Hoà	02/08/1987	Quảng Ninh	C	7.14	Khá
102	Ngô Thanh Liêm	30/09/1988	Hải Phòng	D	7.14	Khá
103	Hồ Thị Ngà	06/07/1987	Hải Dương	A	7.14	Khá
104	Tiên Thị Hoa	10/07/1988	Hải Dương	C	7.13	Khá
105	Nguyễn Minh Đức	08/10/1988	Hải Dương	B	7.12	Khá
106	Nguyễn Việt Dũng	30/04/1988	Bắc Ninh	C	7.12	Khá
107	Trần Thị Huế	22/10/1987	Hưng Yên	C	7.12	Khá
108	Tăng Thị Huệ	26/12/1988	Bắc Ninh	D	7.12	Khá
109	Nguyễn Thị Lan Hương	07/12/1987	Hải Phòng	A	7.12	Khá
110	Nguyễn Mạnh Quân	03/01/1989	Bắc Ninh	C	7.12	Khá

STT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
111	Trần Thị Thoa	26/09/1988	Bắc Ninh	B	7.12	Khá
112	Nguyễn Thị Hồng Linh	24/01/1987	Vĩnh Phúc	B	7.11	Khá
113	Nguyễn Thị Hồng Nhung	07/01/1988	Vĩnh Phúc	D	7.11	Khá
114	Trịnh Thị Quyên	18/02/1988	Hưng Yên	A	7.1	Khá
115	Ngô Thị Thuý	12/02/1988	Bắc Ninh	A	7.1	Khá
116	Nguyễn Văn Trường	25/07/1986	Vĩnh Phúc	A	7.1	Khá
117	Nguyễn Trung Kiên	28/06/1986	Hải Dương	C	7.09	Khá
118	Nguyễn Thị Thuý	25/10/1988	Bắc Ninh	A	7.09	Khá
119	Cao Thị Quỳnh Diệp	23/01/1987	Hải Phòng	B	7.08	Khá
120	Đàm Thanh Hiếu	15/09/1988	Quảng Ninh	E	7.08	Khá
121	Phan Hồng Sáng	04/10/1988	Vĩnh Phúc	D	7.08	Khá
122	Nguyễn Thị Thanh Tâm	01/06/1987	Hà Nội	C	7.08	Khá
123	Phạm Ngọc Thanh	28/10/1987	Hải Dương	B	7.08	Khá
124	Trương Thị Dung	09/02/1988	Quảng Ninh	E	7.07	Khá
125	Nguyễn Thị Minh Hoa	04/04/1987	Hải dương	D	7.07	Khá
126	Trần Thị Huê	03/08/1988	Hải Dương	A	7.07	Khá
127	Trần Thị Hoà Bình	28/06/1988	Bắc Ninh	D	7.06	Khá
128	Ngô Thanh Dung	14/08/1988	Hà Nội	A	7.06	Khá
129	Nguyễn Thị Thu Hương	27/04/1988	Hải Dương	D	7.06	Khá
130	Phạm Văn Giang	24/06/1988	Hải Dương	C	7.03	Khá
131	Hoàng Ngọc Nam	08/01/1988	Hưng Yên	D	7.03	Khá
132	Đoàn Huy Tuyển	17/08/1988	Hải Dương	B	7.03	Khá
133	Vũ Đồng Hoàng Hạnh	11/10/1987	Hưng Yên	A	7.01	Khá
134	Nguyễn Bá Kiên	29/01/1988	Hải Dương	D	7.01	Khá
135	Lưu Thị Hải Thương	31/12/1988	Hải Phòng	C	7.01	Khá
136	Trần Nguyên Hân	20/10/1986	Hải Phòng	D	7	Khá
137	Trương Minh Đức	17/10/1987	Quảng Ninh	E	6.99	Trung Bình Khá
138	Phạm Thị Thanh Mai	22/05/1988	Hải Phòng	B	6.99	Trung Bình Khá
139	Nguyễn Thị Huệ	20/11/1988	Bắc Ninh	C	6.98	Trung Bình Khá
140	Trần Quyết	10/09/1987	Vĩnh Phúc	A	6.97	Trung Bình Khá
141	Lưu Thị Tâm	11/06/1986	Vĩnh Phúc	B	6.97	Trung Bình Khá
142	Nguyễn Văn Hùng	05/04/1988	Vĩnh Phúc	D	6.96	Trung Bình Khá
143	Phạm Phương Thảo	17/11/1988	Quảng Ninh	A	6.96	Trung Bình Khá
144	Đinh Thị Nhân	16/09/1986	Hưng Yên	C	6.95	Trung Bình Khá
145	Bê Thị Khang	20/12/1986	Quảng Ninh	E	6.92	Trung Bình Khá
146	Hoàng Thị Ngọc Ánh	05/10/1988	Hải Dương	A	6.91	Trung Bình Khá
147	Trần Văn Thành	13/03/1988	Bắc Ninh	A	6.91	Trung Bình Khá
148	Phùng Thị Huyền	02/03/1987	Hải Phòng	B	6.9	Trung Bình Khá

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
149	Kiều Thị	Hiền	16/04/1988	Hưng Yên	A	6.89	Trung Bình Khá
150	Vũ Thị	Miễn	28/07/1988	Quảng Ninh	E	6.88	Trung Bình Khá
151	Nguyễn Thị	Phương	08/08/1988	Hải Phòng	A	6.88	Trung Bình Khá
152	Nguyễn Đức	Thoại	02/01/1987	Hải Dương	A	6.88	Trung Bình Khá
153	Cao Hoàng	Khôi	20/02/1987	Hậu Giang	C	6.87	Trung Bình Khá
154	Nguyễn Thị	Hạnh	12/08/1988	Hưng Yên	B	6.86	Trung Bình Khá
155	Vũ Văn	Lâm	14/09/1988	Hải Phòng	A	6.85	Trung Bình Khá
156	Đào Văn	Quân	01/12/1988	Hưng Yên	A	6.85	Trung Bình Khá
157	Đinh Thị	Quyên	01/05/1986	Hải Dương	B	6.85	Trung Bình Khá
158	Nguyễn Sóng	Biển	14/01/1985	Hưng Yên	A	6.82	Trung Bình Khá
159	Lê Văn	Cương	29/08/1988	Hải Dương	B	6.82	Trung Bình Khá
160	Trương Thành	Kiên	13/08/1988	Hải Dương	B	6.82	Trung Bình Khá
161	Trần Quốc	Tuấn	14/04/1987	Quảng Ninh	D	6.82	Trung Bình Khá
162	Phạm Hồng	Quyết	09/11/1985	Vĩnh Phúc	C	6.81	Trung Bình Khá
163	Khổng Văn	Tế	15/02/1987	Vĩnh Phúc	C	6.81	Trung Bình Khá
164	Trần Quốc	Tuấn	10/03/1988	Hưng Yên	A	6.81	Trung Bình Khá
165	Ngô Thị Lan	Anh	01/04/1984	Hải Phòng	B	6.8	Trung Bình Khá
166	Phạm Ngọc	Anh	01/11/1985	Hải Dương	D	6.8	Trung Bình Khá
167	Đàm Văn	Đạt	22/09/1987	Hải Dương	C	6.8	Trung Bình Khá
168	Nguyễn Thanh	Hà	25/10/1988	Hà Nội	B	6.8	Trung Bình Khá
169	Trung Văn	Tuyển	27/11/1988	Quảng Ninh	B	6.8	Trung Bình Khá
170	Đào Thị	Hương	07/02/1987	Hưng Yên	A	6.79	Trung Bình Khá
171	Trương Thị Lan	Anh	28/06/1988	quảng ninh	E	6.78	Trung Bình Khá
172	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	20/01/1989	Hải Dương	A	6.78	Trung Bình Khá
173	Nguyễn Hữu	Thảo	26/07/1988	Vĩnh Phúc	B	6.78	Trung Bình Khá
174	Quy Thị	Hường	10/08/1988	Quảng Ninh	E	6.77	Trung Bình Khá
175	Phan Thị	Thái	24/07/1986	Quảng Ninh	E	6.77	Trung Bình Khá
176	Đinh Thị Kim	Cúc	12/08/1987	Quảng Ninh	B	6.76	Trung Bình Khá
177	Nguyễn Mạnh	Tuấn	11/08/1988	Quảng Ninh	C	6.76	Trung Bình Khá
178	Phạm Thị Nhật	Lệ	20/09/1988	Hải Phòng	C	6.75	Trung Bình Khá
179	Nguyễn Thị	Nhung	10/05/1987	Hải Dương	B	6.74	Trung Bình Khá
180	Ngô đức	Danh	23/06/1985	Hải Dương	C	6.73	Trung Bình Khá
181	Phan Văn	Hải	25/03/1988	Hà Nội	B	6.73	Trung Bình Khá
182	Tô Mạnh	Kiên	10/11/1986	Quảng Ninh	E	6.73	Trung Bình Khá
183	Nguyễn Văn	Liên	17/04/1987	Bắc Ninh	A	6.73	Trung Bình Khá
184	Nguyễn Văn	Thắng	05/06/1984	Hải Phòng	A	6.73	Trung Bình Khá
185	Hoàng Thị	Tuyển	05/09/1988	Quảng Ninh	E	6.72	Trung Bình Khá
186	Nguyễn Bích	Huệ	19/08/1988	Quảng Ninh	E	6.71	Trung Bình Khá

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
187	Lê Thị Yên		04/10/1986	Quảng Ninh	E	6.7	Trung Bình Khá
188	Lê Hải Quân		23/11/1987	Vĩnh Phúc	D	6.69	Trung Bình Khá
189	Hoàng Minh Tiến		04/10/1988	Quảng Ninh	E	6.69	Trung Bình Khá
190	Nguyễn Văn Điệp		24/06/1987	Hải Dương	C	6.67	Trung Bình Khá
191	Đặng Thị Hằng		27/02/1988	Bắc Ninh	C	6.67	Trung Bình Khá
192	Kim Công Thưởng		15/06/1987	Vĩnh Phúc	D	6.67	Trung Bình Khá
193	Đỗ Thu Hà		11/10/1986	Hưng Yên	C	6.66	Trung Bình Khá
194	Phan Thị Hoài Nam		04/04/1988	Hưng Yên	B	6.66	Trung Bình Khá
195	Lê Mạnh Tiến		15/12/1988	Quảng Ninh	B	6.66	Trung Bình Khá
196	Chiêu Ngọc Mai		30/10/1988	Quảng Ninh	E	6.64	Trung Bình Khá
197	Phạm Minh Phụng		28/06/1985	Hải Dương	B	6.64	Trung Bình Khá
198	Nguyễn Đức Hùng		23/10/1986	Vĩnh Phúc	C	6.63	Trung Bình Khá
199	Đoàn Dư Mạnh		13/07/1988	Quảng Ninh	A	6.63	Trung Bình Khá
200	Lưu Thị Thuý		09/03/1987	Quảng Ninh	E	6.62	Trung Bình Khá
201	Đỗ Việt Dũng		15/10/1988	TP. Hải Dương	A	6.61	Trung Bình Khá
202	Trần Văn Giang		13/02/1987		A	6.61	Trung Bình Khá
203	Hoàng Ngọc Khánh		15/04/1987	Hà Nội	B	6.61	Trung Bình Khá
204	Nguyễn Thị Nha Trang		21/11/1988	Quảng Ninh	A	6.59	Trung Bình Khá
205	Phạm Thị Hà		28/02/1987	Hải Phòng	A	6.58	Trung Bình Khá
206	Nguyễn Thế Sơn		05/09/1987	Bắc Thái	A	6.58	Trung Bình Khá
207	Hoàng Thị Hạnh		18/11/1988	Hải Dương	D	6.57	Trung Bình Khá
208	Hoàng Thị Duyên		09/04/1988	Quảng Ninh	E	6.56	Trung Bình Khá
209	Phạm Sỹ Nhật		10/08/1987	Hải Dương	A	6.56	Trung Bình Khá
210	Vũ Đình Phan		09/03/1987	Bắc Ninh	C	6.56	Trung Bình Khá
211	Đặng Thị Chung		12/04/1986	Quảng Ninh	E	6.54	Trung Bình Khá
212	Đoàn Văn Hiệp		08/01/1987	Bắc Ninh	A	6.54	Trung Bình Khá
213	Trần Thị Hải Yến		16/10/1988	Hải Dương	B	6.54	Trung Bình Khá
214	Tô Thị Ngọc Bích		20/11/1988	Quảng Ninh	E	6.52	Trung Bình Khá
215	Nguyễn Thị Diên		28/08/1988	Hưng Yên	A	6.52	Trung Bình Khá
216	Nhữ Văn Duy		01/05/1988	Hải Phòng	A	6.52	Trung Bình Khá
217	Phạm Văn Hùng		25/11/1987	Vĩnh Phúc	B	6.52	Trung Bình Khá
218	Trần Thị Phương		23/07/1986	Vĩnh Phúc	A	6.52	Trung Bình Khá
219	Vũ Đức Trường		07/11/1988	Hải Dương	B	6.52	Trung Bình Khá
220	Nguyễn Thị Giang		18/07/1988	Hải Dương	D	6.51	Trung Bình Khá
221	Ngô Trung Kiên		15/11/1987	Vĩnh Phúc	A	6.51	Trung Bình Khá
222	Nguyễn Đức Bảo		20/12/1988	Hưng Yên	C	6.5	Trung Bình Khá
223	Kiều Quang Thuận		02/03/1987	Hà Tây	C	6.5	Trung Bình Khá
224	Nguyễn Ngọc Ánh		23/07/1988	Bắc Ninh	B	6.49	Trung Bình Khá

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
225	Bế Thị Kim	Oanh	04/05/1988	Quảng Ninh	E	6.49	Trung Bình Khá
226	Bùi Ngọc	Quang	05/11/1988	Hải Hưng	A	6.49	Trung Bình Khá
227	Nguyễn Xuân	Tiến	09/11/1988	Hưng Yên	B	6.47	Trung Bình Khá
228	Nguyễn Thị	Dung	16/07/1988	Hải Dương	D	6.46	Trung Bình Khá
229	Đào Minh	Khôi	30/10/1988	Hải Phòng	B	6.45	Trung Bình Khá
230	Đào Phú	Hà	08/10/1984	Hải phòng	B	6.44	Trung Bình Khá
231	Lục Chiến	Thắng	10/06/1988	Quảng Ninh	E	6.44	Trung Bình Khá
232	Lê Thu	Hoài	28/07/1988	Quảng Ninh	E	6.43	Trung Bình Khá
233	Hà Văn	Minh	27/09/1984	Quảng Ninh	E	6.43	Trung Bình Khá
234	Đặng Thế	Dũng	19/10/1986	Vĩnh Phúc	C	6.42	Trung Bình Khá
235	Nguyễn Vũ	Long	18/05/1988	Quảng Ninh	E	6.42	Trung Bình Khá
236	Nguyễn Đức	Vinh	17/07/1987	Hải Dương	A	6.42	Trung Bình Khá
237	Trịnh Thị	Tâm	02/09/1987	Quảng Ninh	E	6.41	Trung Bình Khá
238	Nguyễn Đình	Đặng	09/04/1988	Quảng Ninh	D	6.4	Trung Bình Khá
239	Lâm Văn	Ngân	20/02/1985	Vĩnh Phúc	C	6.39	Trung Bình Khá
240	Nguyễn Tiến	Thắng	20/12/1988	Quảng Ninh	B	6.38	Trung Bình Khá
241	Nguyễn Văn	Chương	19/08/1987	Bắc Ninh	A	6.37	Trung Bình Khá
242	Tạ Thị Mỹ	Hạnh	26/06/1988	Vĩnh Phúc	A	6.37	Trung Bình Khá
243	Nguyễn Đức	Khánh	08/10/1986	Vĩnh Phúc	A	6.37	Trung Bình Khá
244	Vi Thị Quỳnh	Trang	02/11/1988	Quảng Ninh	E	6.36	Trung Bình Khá
245	Trần Việt	Anh	25/10/1988	Hải Dương	B	6.35	Trung Bình Khá
246	Nguyễn Minh	Tâm	22/10/1988	Quảng Ninh	B	6.35	Trung Bình Khá
247	Ngô Thanh	Thuần	25/08/1987	Hưng Yên	C	6.35	Trung Bình Khá
248	Lê Anh	Huy	11/12/1987	Hưng Yên	C	6.34	Trung Bình Khá
249	Vũ Thị	Tân	21/09/1987	Hưng Yên	D	6.34	Trung Bình Khá
250	Nguyễn Thị	Ngọc	19/09/1988	Bắc Ninh	A	6.33	Trung Bình Khá
251	Nguyễn Thị	Thủy	27/04/1987	Hải Dương	D	6.33	Trung Bình Khá
252	Bùi Cao	Cường	31/03/1988	Quảng Ninh	A	6.32	Trung Bình Khá
253	Nguyễn Viết	Thao	23/09/1987	Vĩnh Phúc	A	6.32	Trung Bình Khá
254	Lê Bá	Đạt	07/11/1988	Vĩnh Phúc	C	6.31	Trung Bình Khá
255	Trần Thủy	Dương	26/03/1987	Hải Dương	D	6.31	Trung Bình Khá
256	Nguyễn Văn	Tuyên	24/07/1987	Vĩnh Phúc	D	6.3	Trung Bình Khá
257	Mẫu Văn	Ngọc	10/01/1986	Vĩnh Phúc	D	6.28	Trung Bình Khá
258	Bùi Thị	Hằng	11/01/1987	Hải Dương	A	6.27	Trung Bình Khá
259	Vũ Thế	Cầu	21/09/1986	Quảng ninh	C	6.25	Trung Bình Khá
260	Bùi Văn	Hùng	10/05/1986	Hải Dương	A	6.25	Trung Bình Khá
261	Nguyễn Đức	Long	08/09/1988	Hải Dương	C	6.24	Trung Bình Khá
262	Nguyễn Văn	Xô	12/12/1988	Bắc Ninh	C	6.22	Trung Bình Khá

STT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
263	Nguyễn Bá Dân	05/06/1986	Hải Dương	D	6.17	Trung Bình Khá
264	Đỗ Văn Thành	21/01/1988	Hải Dương	C	6.17	Trung Bình Khá
265	Nguyễn Đình Thử	25/08/1988	Bắc Ninh	C	6.17	Trung Bình Khá
266	Nguyễn Xuân Long	15/11/1988	Bắc Ninh	C	6.15	Trung Bình Khá
267	Trần Văn Dũng	02/04/1988	Vĩnh Phúc	C	6.12	Trung Bình Khá
268	Trần Thanh Toàn	13/07/1987	Hải Dương	C	6.12	Trung Bình Khá
269	Nguyễn Văn Tuấn	26/02/1987	Hải Dương	D	6.1	Trung Bình Khá
270	Đặng Văn Lâm	27/07/1987	Hải Phòng	D	6.05	Trung Bình Khá
271	Nguyễn Bá Long	17/09/1988	Hải Dương	D	6.05	Trung Bình Khá
272	Đỗ Đình Tiệp	15/08/1986	Bắc Ninh	D	6.05	Trung Bình Khá
273	Nguyễn Thanh Sơn	29/09/1988	Quảng Ninh	E	6.02	Trung Bình Khá
274	Lê Thị Thuý Nga	17/04/1985	Hải Dương	D	5.98	Trung Bình
275	Nguyễn Phi Hùng	06/09/1986	Quảng Ninh	A	5.92	Trung Bình
276	Nguyễn Ngọc Hiếu	15/11/1987	Quảng Ninh	E	5.68	Trung Bình

Tổng số sinh viên: 276, trong đó:

Giỏi: 3 sinh viên

Khá: 133 sinh viên

Trung bình khá: 137 sinh viên

Trung bình: 3 sinh viên

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Văn Thành
Lê Văn Thành

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Số: 845/ QĐ-YHP

Hải Phòng, ngày 07 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

*V/v công nhận tốt nghiệp Bác sỹ đa khoa hệ chính quy
khoá 2006 - 2012 (đợt 2)*

Hiệu trưởng trường Đại học Y Hải Phòng

- Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại Học Y Hải Phòng.
- Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy.
- Căn cứ vào biên bản của Hội đồng thi và xét tốt nghiệp Bác sỹ đa khoa cho sinh viên hệ chính quy khoá 2006 - 2012.
- Theo đề nghị của Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Bác sỹ đa khoa hệ chính quy (đợt 2) cho **05 (Năm)** sinh viên khoá 2006 - 2012 kể từ ngày 01/11/2012, trong đó có:

03 sinh viên tốt nghiệp loại **Khá**

02 sinh viên tốt nghiệp loại **Trung bình Khá**

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Đào tạo Đại học, Tài chính kế toán, Trung tâm TT-Thư viện, Ban QL KTX và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ GD & ĐT (Vụ ĐH);
- Bộ Y tế (Vụ KHĐT);
- Như điều 2;
- Lưu: ĐTDH, HCTH.

Hiệu trưởng

(Đã ký)

GS. TS. Phạm Văn Thúc

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP (ĐỢT 2)
BÁC SĨ ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUY KHÓA 28 (2006-2012)
(kèm theo quyết định số 845 QĐ/YHP, ngày 07 tháng 11 năm 2012)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
1	Phạm Ngọc Thanh	20/11/1988	Hải Dương	D	7.16	Khá
2	Nguyễn Thị Lan Phương	01/08/1988	Hải Phòng	C	7.09	Khá
3	Nguyễn Đức Đợi	09/09/1988	Hải Dương	D	7.03	Khá
4	Nguyễn Thị Nguyệt Hoa	20/05/1988	Quảng Ninh	E	6.52	Trung bình Khá
5	Nguyễn Văn Toàn	20/06/1986	Hung Yên	D	6.31	Trung bình Khá

Tổng số sinh viên: 05, trong đó:

Khá: 03 sinh viên
Trung bình khá: 02 sinh viên

NGƯỜI LẬP BIỂU


Lê Tiến Thành.

HIỆU TRƯỞNG




HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Phạm Văn Chức

Số: 687/ QĐ-YHP

Hải Phòng, ngày 21 tháng 08 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

*V/v công nhận tốt nghiệp Bác sỹ đa khoa hệ chính quy 4 năm
khoá 2008 - 2012*

Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng

- Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại Học Y Hải Phòng.
- Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy.
- Căn cứ vào biên bản của Hội đồng thi và xét tốt nghiệp cho sinh viên Bác sỹ đa khoa hệ chính quy 4 năm khoá 2008 - 2012.
- Theo đề nghị của Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Bác sỹ đa khoa hệ chính quy 4 năm cho **271 (Hai trăm bảy mươi một)** sinh viên khoá 2008 - 2012 kể từ ngày 21/08/2012, trong đó có:

117 sinh viên tốt nghiệp loại **Khá**

154 sinh viên tốt nghiệp loại **Trung bình khá**

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Đào tạo Đại học, Tài chính kế toán, Trung tâm TT-Thư viện, Ban QL KTX và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ GD & ĐT (Vụ ĐH);
- Bộ Y tế (Vụ KHĐT);
- Như điều 2;
- Lưu: ĐTDH, HCTH.

Hiệu trưởng

(Đã ký)

GS. TS. Phạm Văn Thúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
BÁC SỸ ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUY 4 NĂM (2008-2012)

(kèm theo quyết định số 63/QĐ/YHP, ngày 21 tháng 8 năm 2012)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
1	Phạm Minh Đức	02/12/1975	Hải Dương	B	7.95	Khá
2	Vũ Thị Lan	25/10/1983	Hải Dương	A	7.92	Khá
3	Nguyễn Thị Việt	10/02/1983	Quảng Ninh	A	7.63	Khá
4	Hà Đình Quang	22/12/1971	Hải Dương	B	7.62	Khá
5	Nguyễn Thái Hà	04/08/1983	Quảng Ninh	A	7.60	Khá
6	Hồ Bạch Hà	17/10/1974	Nghệ An	D	7.60	Khá
7	Vũ Thị Hằng	18/08/1980	Hải Dương	B	7.60	Khá
8	Nguyễn Thị Thơ	16/03/1980	Hải Phòng	B	7.57	Khá
9	Nguyễn Thị Thủy	22/03/1982	Hải Phòng	A	7.56	Khá
10	Đỗ Thị Bình	14/11/1978	Hưng Yên	A	7.54	Khá
11	Nguyễn Thị Hằng	23/03/1984	Hải Phòng	A	7.54	Khá
12	Vũ Thị Hoài	26/10/1972	Hải Phòng	B	7.52	Khá
13	Phạm Thị Anh	13/12/1976	Nghệ An	D	7.50	Khá
14	Bùi Thị Hà	05/07/1968	Nghệ An	D	7.50	Khá
15	Lê Thị Hà	06/10/1972	Nghệ An	D	7.50	Khá
16	Trần Lê Khanh	20/02/1969	Nghệ An	D	7.49	Khá
17	Mai Thành Long	03/04/1965	Thanh Hóa	C	7.49	Khá
18	Đặng Thị Hồng	20/09/1974	Hải Dương	B	7.48	Khá
19	Nguyễn Thị Huệ	06/11/1981	Hải Dương	A	7.48	Khá
20	Vũ Thị Thu Hiền	01/10/1981	Hải Phòng	A	7.47	Khá
21	Trần Thị Huyền	25/12/1975	Quảng Ninh	B	7.47	Khá
22	Bùi Tiến Lực	10/01/1977	Thanh Hóa	C	7.47	Khá
23	Lê Thị Thế	28/10/1983	Thanh Hóa	C	7.47	Khá
24	Vũ Công Tĩnh	16/07/1979	Hải Dương	B	7.47	Khá
25	Trần Thị Xuân Hồng	20/02/1971	Nghệ An	D	7.42	Khá
26	Phan Anh Việt	08/06/1985	Hưng Yên	A	7.42	Khá
27	Lê Thị Hồng	02/07/1984	Thanh Hóa	A	7.40	Khá
28	Đinh Thị Thu Hương	21/07/1971	Hải Dương	B	7.40	Khá
29	Nguyễn Văn Minh	25/12/1972	Hải Phòng	B	7.39	Khá
30	Trần Quang Huy	26/06/1976	Nghệ An	D	7.38	Khá
31	Ngô Thị Hiền	06/07/1979	Hải Phòng	A	7.36	Khá
32	Dương Văn Quảng	27/12/1975	Nghệ An	D	7.36	Khá
33	Lê Duy Hùng	01/08/1983	Hà Nội	A	7.35	Khá
34	Phạm Văn Tiến	21/09/1980	Hải Phòng	A	7.35	Khá
35	Bùi Thị Mỹ Nữ	02/11/1983	Hải Phòng	B	7.33	Khá
36	Mai Đức Huyền	06/01/1957	Thanh Hóa	C	7.32	Khá
37	Hoàng Thị Nhung	30/06/1974	Nghệ An	D	7.31	Khá

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
38	Nguyễn Thị	Phương	01/01/1975	Nghệ An	D	7.30	Khá
39	Nguyễn Xuân	Thoa	05/06/1967	Hải Dương	B	7.30	Khá
40	Mạc Thị	Hào	06/11/1983	Quảng Ninh	A	7.29	Khá
41	Bùi Thị	Hương	09/10/1974	Hải Dương	B	7.29	Khá
42	Nguyễn Thị	Nguyệt	02/09/1974	Bắc Ninh	B	7.29	Khá
43	Đồng Thị	Phương	13/04/1981	Hải Phòng	A	7.29	Khá
44	Phan Thị	Huyền	06/09/1981	Thanh Hóa	C	7.28	Khá
45	Nguyễn Tiến	Tuấn	05/05/1982	Quảng Ninh	A	7.28	Khá
46	Lê Đình	Bình	17/05/1983	Thanh Hóa	C	7.26	Khá
47	Đào Thu	Hương	29/10/1979	Bắc Giang	A	7.26	Khá
48	Nguyễn Thị	Nga	25/02/1983	Thanh Hóa	C	7.26	Khá
49	Nguyễn Thị	Then	25/01/1971	Hải Dương	B	7.26	Khá
50	Lê Thị Minh	Hằng	06/08/1983	Thanh Hóa	C	7.25	Khá
51	Trịnh Văn	Thủy	09/02/1984	Quảng Ninh	A	7.25	Khá
52	Trần Thị Kim	Dung	25/04/1978	Hải Phòng	A	7.24	Khá
53	Nguyễn Thị	Nga	01/01/1981	Thanh Hóa	C	7.24	Khá
54	Thiều Thị	Nga	15/01/1975	Thanh Hóa	C	7.24	Khá
55	Bùi Thị Thúy	Ngân	17/04/1978	Nghệ An	D	7.24	Khá
56	Tạ Văn	Tháp	12/07/1983	Thái Bình	A	7.24	Khá
57	Hồ Thị	Hiền	22/10/1970	Nghệ An	D	7.23	Khá
58	Phạm Minh	Khoa	28/07/1981	Hải Dương	A	7.23	Khá
59	Nguyễn Văn	Lập	28/08/1967	Hải Dương	B	7.23	Khá
60	Phạm Khắc	Quý	08/06/1983	Hải Phòng	A	7.23	Khá
61	Trần Đình	Đức	20/11/1977	Nghệ An	D	7.22	Khá
62	Mai Thị	Hòa	09/11/1977	Thanh Hóa	C	7.22	Khá
63	Lê Thị	Chi	20/09/1983	Thanh Hóa	C	7.20	Khá
64	Đặng Thị	Huệ	30/10/1983	Hải Phòng	A	7.20	Khá
65	Võ Văn	Mỹ	02/04/1978	Nghệ An	D	7.20	Khá
66	Vũ Thị	Thảo	30/08/1982	Hải Phòng	A	7.20	Khá
67	Chu Thị	Thủy	02/10/1978	Nghệ An	D	7.20	Khá
68	Lê Anh	Đức	25/03/1975	Nghệ An	D	7.19	Khá
69	Ngô Chí	Khâm	09/02/1984	Thanh Hóa	C	7.19	Khá
70	Nguyễn Minh	Thương	01/10/1982	Thanh Hóa	C	7.19	Khá
71	Trần Chí	Dũng	01/05/1973	Quảng Ninh	A	7.18	Khá
72	Lê Thị	Minh	06/10/1981	Thanh Hóa	C	7.18	Khá
73	Nguyễn Thị	Sanh	18/03/1983	Hải Dương	B	7.18	Khá
74	Lê Việt	Thành	20/07/1983	Thanh Hóa	C	7.18	Khá
75	Nguyễn Thị	Thảo	15/05/1980	Thanh Hóa	C	7.18	Khá
76	Hoàng Thị	Thủy	10/05/1982	Thanh Hóa	C	7.18	Khá
77	Nguyễn Đăng	Khoa	04/06/1978	Quảng Ninh	A	7.17	Khá
78	Nguyễn Thị Phương	Liên	19/11/1973	Nghệ An	D	7.17	Khá

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
79	Lê Thị	Hiền	21/05/1981	Thanh Hóa	C	7.16	Khá
80	Hoàng Thị	Thủy	01/08/1980	Hải Phòng	A	7.15	Khá
81	Nguyễn Huy	Đức	15/12/1971	Hải Dương	B	7.14	Khá
82	Hoàng Thị Mai	Dương	20/10/1980	Hải Phòng	A	7.14	Khá
83	Trần Thị Thu	Hà	23/10/1974	Nghệ An	D	7.14	Khá
84	Nguyễn Văn	Hiển	23/03/1969	Nghệ An	D	7.14	Khá
85	Nguyễn Thị	Hoan	01/04/1970	Hải Dương	B	7.13	Khá
86	Nguyễn Thị	Quỳnh	16/04/1984	Thanh Hóa	C	7.13	Khá
87	Nguyễn Văn	Thiết	02/02/1980	Hải Phòng	A	7.13	Khá
88	Mạc Thị Đỗ	Đoan	13/03/1979	Hải Phòng	A	7.12	Khá
89	Nguyễn Thị	Nga	24/09/1976	Hải Dương	B	7.12	Khá
90	Phạm Đình	Tuân	09/05/1973	Hải Dương	A	7.12	Khá
91	Nguyễn Tiến	Công	15/08/1981	Thanh Hóa	C	7.11	Khá
92	Nguyễn Minh	Hiếu	18/04/1980	Hà Nội	A	7.11	Khá
93	Ninh Hoàng	Thái	20/01/1971	Hải Phòng	A	7.10	Khá
94	Võ Văn	Thọ	09/12/1979	Nghệ An	D	7.10	Khá
95	Hoàng Thị	Thu	08/10/1982	Thanh Hóa	C	7.10	Khá
96	Lê Xuân	Hòa	02/01/1983	Thanh Hóa	C	7.08	Khá
97	Kiều Thị	Hương	18/06/1969	Nghệ An	D	7.08	Khá
98	Nguyễn Văn	Thắng	29/01/1979	Hải Dương	B	7.08	Khá
99	Nguyễn Thị	Ánh	09/03/1976	Hải Dương	B	7.07	Khá
100	Phạm Duy	Khánh	03/11/1983	Hải Phòng	A	7.06	Khá
101	Trần Văn	Lâm	10/06/1974	Nghệ An	D	7.06	Khá
102	Lê Hữu	Sáng	02/04/1974	Thanh Hóa	C	7.06	Khá
103	Hồ Thị Thanh	Xuân	04/12/1971	Nghệ An	D	7.06	Khá
104	Trần Thị	Hiền	11/07/1980	Hải Dương	B	7.05	Khá
105	Phạm Đức	Hướng	21/11/1979	Hải Phòng	A	7.05	Khá
106	Đặng Võ	Tấn	07/08/1978	Hải Phòng	B	7.05	Khá
107	Nguyễn Thị Hà	Thanh	20/09/1981	Hải Dương	A	7.05	Khá
108	Bùi Quảng	Lượng	02/07/1980	Thanh Hóa	C	7.04	Khá
109	Đoàn Thị Thu	Giang	24/08/1974	Hải Dương	B	7.03	Khá
110	Nguyễn Văn	Khải	13/08/1979	Hà Nội	A	7.03	Khá
111	Nguyễn Thị	Việt	26/12/1968	Nghệ An	D	7.03	Khá
112	Tiêu Thị Hằng	Nga	06/06/1983	Hải Dương	B	7.02	Khá
113	Lê Thị	Thư	20/03/1967	Nghệ An	D	7.02	Khá
114	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	04/06/1979	Hải Dương	B	7.02	Khá
115	Phan Thị Kim	Oanh	19/06/1974	Thanh Hóa	C	7.01	Khá
116	Vũ Thị	Vân	05/01/1974	Hải Dương	B	7.01	Khá
117	Vũ Quy	Bắc	30/08/1973	Hải Dương	A	7.00	Khá
118	Nguyễn Thị Thu	Hà	06/12/1980	Hải Dương	C	6.97	Trung Bình Khá
119	Hoàng Thị	Hoạch	12/02/1977	Hải Dương	B	6.97	Trung Bình Khá

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
120	Đoàn Thị Khánh	Châm	23/11/2011	Hải Phòng	A	6.96	Trung Bình Khá
121	Đinh Thị	Hường	30/12/1983	Hải Dương	B	6.96	Trung Bình Khá
122	Trịnh Hồng	Quân	01/10/1983	Hải Phòng	A	6.96	Trung Bình Khá
123	Đỗ Thị	Quỳnh	01/06/1982	Hải Dương	B	6.96	Trung Bình Khá
124	Hoàng Thanh	Nghệ	10/09/1975	Nghệ An	D	6.95	Trung Bình Khá
125	Trần Thị	Hiệp	13/05/1972	Nghệ An	D	6.92	Trung Bình Khá
126	Phạm Văn	Tự	04/12/1981	Đồng Nai	B	6.92	Trung Bình Khá
127	Ngô Văn	Phan	14/06/1971	Thanh Hóa	C	6.91	Trung Bình Khá
128	Nguyễn Trung	Son	26/03/1983	Thanh Hóa	A	6.91	Trung Bình Khá
129	Đỗ Thị Mai	Hương	22/01/1982	Hải Dương	B	6.90	Trung Bình Khá
130	Nguyễn Văn	Truyền	18/09/1979	Nghệ An	D	6.90	Trung Bình Khá
131	Nguyễn Thị	Châu	02/02/1974	Nghệ An	D	6.89	Trung Bình Khá
132	Nguyễn Hồng	Hanh	28/01/1982	Hải Phòng	A	6.89	Trung Bình Khá
133	Nguyễn Thị	Liên	06/09/1968	Thanh Hóa	C	6.89	Trung Bình Khá
134	Nguyễn Sỹ	Hồng	23/08/1983	Thanh Hóa	C	6.88	Trung Bình Khá
135	Nguyễn Văn	Đại	10/11/1983	Hải Dương	B	6.87	Trung Bình Khá
136	Lê Thị	Dung	20/05/1977	Thanh Hóa	C	6.87	Trung Bình Khá
137	Phạm Thị	Pha	30/06/1978	Bắc Ninh	B	6.87	Trung Bình Khá
138	Nguyễn Anh	Tuấn	06/10/1979	Nghệ An	D	6.87	Trung Bình Khá
139	Phan Công	Viễn	28/07/1979	Phú Thọ	A	6.87	Trung Bình Khá
140	Hoàng Đình	Lâm	30/12/1969	Nghệ An	D	6.86	Trung Bình Khá
141	Đoàn Thị	Thư	12/12/1981	Hải Phòng	A	6.86	Trung Bình Khá
142	Trương Thị	Thuyết	27/02/1966	Nghệ An	D	6.86	Trung Bình Khá
143	Đỗ Ngọc	Dũng	08/04/1980	Thanh Hóa	C	6.85	Trung Bình Khá
144	Hoàng Thị Tố	Quyên	13/12/1981	Hải Phòng	A	6.85	Trung Bình Khá
145	Đào Thị	Sen	08/12/1979	Hải Dương	B	6.85	Trung Bình Khá
146	Đào Thanh	Huyền	09/11/1980	Hải Phòng	A	6.83	Trung Bình Khá
147	Nguyễn Bá	Lương	10/06/1973	Nghệ An	D	6.83	Trung Bình Khá
148	Nguyễn Hữu	Tải	27/12/1965	Thanh Hóa	C	6.83	Trung Bình Khá
149	Bùi Hồng	Hà	02/09/1976	Thanh Hóa	C	6.82	Trung Bình Khá
150	Bùi Văn	Hải	15/07/1979	Hải Dương	A	6.82	Trung Bình Khá
151	Nguyễn Thị	Hoài	15/09/1979	Hà Nội	A	6.82	Trung Bình Khá
152	Mạc Thị Như	Ngọc	30/08/1976	Hải Dương	B	6.82	Trung Bình Khá
153	Nguyễn Văn	Hạnh	26/02/1973	Thanh Hóa	C	6.80	Trung Bình Khá
154	Vũ Thị	Hương	03/01/1974	Hải Phòng	B	6.80	Trung Bình Khá
155	Lưu Thị	Hường	10/05/1980	Hưng Yên	A	6.79	Trung Bình Khá
156	Cao Xuân	Phúc	22/02/1974	Nghệ An	D	6.79	Trung Bình Khá
157	Bùi Văn	Thiên	10/05/1979	Thanh Hóa	C	6.79	Trung Bình Khá
158	Trần Thị Ngọc	Bích	13/10/1969	Hải Dương	B	6.76	Trung Bình Khá
159	Lê Văn	Hùng	03/10/1971	Nghệ An	D	6.76	Trung Bình Khá
160	Bùi Thị	Liên	19/09/1973	Hải Dương	B	6.76	Trung Bình Khá

TRU
AI
AI P

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
161	Nguyễn Văn	Hiệp	22/09/1981	Hà Nội	A	6.75	Trung Bình Khá
162	Bùi Anh	Tuấn	02/07/1982	Hà Nội	B	6.75	Trung Bình Khá
163	Tăng Xuân	Biển	04/05/1974	Hải Dương	C	6.74	Trung Bình Khá
164	Trần Minh	Đức	23/10/1980	Hải Phòng	A	6.74	Trung Bình Khá
165	Nguyễn Thị	Lan	25/09/1962	Thanh Hóa	C	6.74	Trung Bình Khá
166	Lô Thái	Sơn	28/04/1976	Nghệ An	D	6.74	Trung Bình Khá
167	Bùi Thị	Thoa	29/04/1979	Hải Dương	B	6.74	Trung Bình Khá
168	Trần Văn	Chung	16/06/1979	Thanh Hóa	C	6.72	Trung Bình Khá
169	Trần Thế	Đà	28/09/1981	Thái Bình	C	6.72	Trung Bình Khá
170	Phạm Văn	Giói	19/05/1976	Thanh Hóa	C	6.72	Trung Bình Khá
171	Trần Nam	Thành	03/10/1983	Hải Phòng	A	6.72	Trung Bình Khá
172	Trần Thị Thu	Trang	13/02/1984	Hải Phòng	A	6.72	Trung Bình Khá
173	Vi Văn	Hải	07/12/1970	Nghệ An	D	6.71	Trung Bình Khá
174	Trịnh Đình	Hải	20/12/1970	Thanh Hóa	C	6.70	Trung Bình Khá
175	Hoàng Thị	Hòa	26/04/1974	Nghệ An	D	6.70	Trung Bình Khá
176	Trần Văn	Thành	27/09/1972	Thanh Hóa	C	6.70	Trung Bình Khá
177	Nguyễn Thị Thu	Huyền	22/05/1982	Hải Dương	B	6.69	Trung Bình Khá
178	Lê Đăng	Phú	28/06/1973	Thanh Hóa	C	6.69	Trung Bình Khá
179	Trương Hoàng	Tùng	05/03/1983	Thanh Hóa	C	6.69	Trung Bình Khá
180	Lê Đỗ	Mạnh	22/05/1978	Thanh Hóa	C	6.68	Trung Bình Khá
181	Nguyễn Thị Chi	Phương	20/07/1969	Hải Dương	B	6.67	Trung Bình Khá
182	Phạm Thị	Tâm	11/04/1975	Hải Dương	B	6.67	Trung Bình Khá
183	Phạm Thị	Thúy	20/11/1979	Hải Dương	B	6.67	Trung Bình Khá
184	Nguyễn Công	Trọng	26/04/1974	Thanh Hóa	C	6.67	Trung Bình Khá
185	Nguyễn Thị	Vui	18/01/1983	Hải Dương	B	6.67	Trung Bình Khá
186	Mai Đình	Chinh	10/10/1978	Thanh Hóa	C	6.66	Trung Bình Khá
187	Nguyễn Thị	Hường	28/05/1968	Thanh Hóa	C	6.66	Trung Bình Khá
188	Lê Thị Hà	Khuyên	06/12/1976	Thanh Hóa	C	6.66	Trung Bình Khá
189	Lê Văn	Tự	06/05/1979	Thanh Hóa	C	6.66	Trung Bình Khá
190	Nguyễn Văn	Ngay	16/03/1976	Bắc Giang	A	6.65	Trung Bình Khá
191	Lê Thị	Quế	08/02/1977	Thanh Hóa	C	6.65	Trung Bình Khá
192	Lê Thiện	Hữu	18/08/1982	Thanh Hóa	C	6.64	Trung Bình Khá
193	Nguyễn Đình	Thiện	17/03/1984	Hải Dương	B	6.64	Trung Bình Khá
194	Nguyễn Đình	Chi	16/03/1979	Thanh Hóa	C	6.63	Trung Bình Khá
195	Trịnh Xuân	Việt	15/03/1979	Thanh Hóa	C	6.63	Trung Bình Khá
196	Lô Thanh	Hương	23/07/1971	Nghệ An	D	6.62	Trung Bình Khá
197	Phạm Huy	Quý	12/02/1978	Hải Dương	A	6.62	Trung Bình Khá
198	Lê Văn	Thức	12/08/1977	Nghệ An	C	6.62	Trung Bình Khá
199	Đặng Hồng	Bách	01/07/1978	Hải Dương	B	6.61	Trung Bình Khá
200	Phạm Bá	Hưng	15/02/1982	Thanh Hóa	C	6.61	Trung Bình Khá
201	Hoàng Thị	Phượng	05/01/1978	Hải Dương	B	6.61	Trung Bình Khá

Y
ĐNK
IQC
HON

STT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
202	Phạm Ngọc Tỉnh	04/07/1975	Hải Dương	C	6.61	Trung Bình Khá
203	Lô Văn Nán	28/10/1977	Nghệ An	D	6.60	Trung Bình Khá
204	Lê Đình Việt	22/02/1982	Thanh Hóa	C	6.60	Trung Bình Khá
205	Vũ Thị Thanh Huyền	18/03/1971	Hải Dương	B	6.59	Trung Bình Khá
206	Phạm Đức Khanh	25/09/1982	Hải Phòng	A	6.59	Trung Bình Khá
207	Nguyễn Văn Tý	04/12/1966	Thái Bình	A	6.58	Trung Bình Khá
208	Mai Văn Vỹ	01/06/1974	Thanh Hóa	C	6.58	Trung Bình Khá
209	Nguyễn Anh Tuấn	20/10/1983	Hải Phòng	C	6.57	Trung Bình Khá
210	Đỗ Văn Yên	03/02/1978	Hải Phòng	C	6.57	Trung Bình Khá
211	Nguyễn Thị Nga	09/06/1969	Hà Nội	A	6.56	Trung Bình Khá
212	Lê Ngọc Chiến	12/10/1969	Thanh Hóa	C	6.55	Trung Bình Khá
213	Phùng Văn Lực	11/11/1977	Thanh Hóa	C	6.55	Trung Bình Khá
214	Nguyễn Văn Thuận	08/11/1980	Hà Nội	C	6.55	Trung Bình Khá
215	Hoàng Văn Phong	17/04/1970	Thanh Hóa	C	6.54	Trung Bình Khá
216	Mai Xuân Thành	07/07/1975	Thanh Hóa	C	6.54	Trung Bình Khá
217	Ngô Vi Dân	01/05/1967	Hà Nội	A	6.53	Trung Bình Khá
218	Nguyễn Thanh Sơn	17/10/1976	Thanh Hóa	C	6.53	Trung Bình Khá
219	Nguyễn Văn Hoàng	10/12/1977	Thanh Hóa	C	6.52	Trung Bình Khá
220	Nguyễn Văn Cường	07/10/1981	Thanh Hóa	A	6.51	Trung Bình Khá
221	Quách Thị Hằng	02/06/1977	Bắc Ninh	A	6.51	Trung Bình Khá
222	Lê Minh Khôi	31/08/1977	Thanh Hóa	C	6.51	Trung Bình Khá
223	Vũ Đình Hiệp	09/08/1979	Hải Dương	C	6.50	Trung Bình Khá
224	Lê Đình Thông	24/10/1970	Thanh Hóa	C	6.50	Trung Bình Khá
225	Nguyễn Thị Nhung	01/01/1975	Hải Dương	B	6.49	Trung Bình Khá
226	Đoàn Văn Tài	10/12/1971	Thanh Hóa	C	6.49	Trung Bình Khá
227	Vũ Hoàng Dương	01/06/1966	Thanh Hóa	C	6.46	Trung Bình Khá
228	Lê Văn Nam	05/04/1976	Thanh Hóa	C	6.46	Trung Bình Khá
229	Bùi Văn Phong	20/10/1972	Thanh Hóa	C	6.46	Trung Bình Khá
230	Nguyễn Xuân Hùng	18/11/1965	Thanh Hóa	C	6.45	Trung Bình Khá
231	Dương Khắc Hiếu	05/06/1976		C	6.44	Trung Bình Khá
232	Đinh Công Hoành	11/11/1974	Thanh Hóa	A	6.44	Trung Bình Khá
233	Lê Bá Tường	02/08/1968	Thanh Hóa	C	6.44	Trung Bình Khá
234	Lê Quang Vương	17/07/1968	Thanh Hóa	A	6.44	Trung Bình Khá
235	Lê Anh Việt	06/09/1974	Thanh Hóa	C	6.43	Trung Bình Khá
236	Phạm Văn Hữu	10/12/1967	Thanh Hóa	C	6.42	Trung Bình Khá
237	Trần Văn Ca	22/11/1981	Hải Phòng	B	6.41	Trung Bình Khá
238	Lương Văn Hùng	14/12/1967	Nghệ An	D	6.41	Trung Bình Khá
239	Lê Ngọc Linh	23/07/1978	Thanh Hóa	C	6.41	Trung Bình Khá
240	Trần Văn Dưỡng	15/05/1978	Thanh Hóa	C	6.40	Trung Bình Khá
241	Bùi Văn Hợp	06/08/1972	Thanh Hóa	C	6.40	Trung Bình Khá
242	Trịnh Xuân Tấn	22/02/1969	Thanh Hóa	C	6.40	Trung Bình Khá

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
243	Phan Đăng	Lâm	08/08/1983	Bắc Ninh	A	6.38	Trung Bình Khá
244	Bùi Chí	Thanh	25/07/1977	Thanh Hóa	C	6.37	Trung Bình Khá
245	Dương Văn	Xâm	08/06/1983	Thanh Hóa	C	6.37	Trung Bình Khá
246	Bùi Trường	Giang	26/07/1981	Quảng Ninh	B	6.35	Trung Bình Khá
247	Trần Thị	Hoán	02/09/1976	Thanh Hóa	C	6.35	Trung Bình Khá
248	Nguyễn Văn	Tường	10/05/1977	Thanh Hóa	C	6.34	Trung Bình Khá
249	Nguyễn Công	Cần	17/09/1980	Hải Dương	C	6.32	Trung Bình Khá
250	Nguyễn Văn	Hiếu	05/08/1982	Hải Dương	B	6.31	Trung Bình Khá
251	Nguyễn Minh	Khởi	26/01/1978	Thanh Hóa	C	6.28	Trung Bình Khá
252	Trịnh Sỹ	Thống	15/05/1972	Thanh Hóa	C	6.28	Trung Bình Khá
253	Trương Văn	Thuật	19/12/1973	Thanh Hóa	C	6.28	Trung Bình Khá
254	Lục Văn	Bui	25/05/1977	Thanh Hóa	C	6.27	Trung Bình Khá
255	Hà Văn	Tuyền	07/03/1979	Thanh Hóa	C	6.25	Trung Bình Khá
256	Nguyễn Văn	Dung	14/07/1976	Thanh Hóa	C	6.24	Trung Bình Khá
257	Nguyễn Sỹ	Phước	10/05/1969	Thanh Hóa	C	6.22	Trung Bình Khá
258	Nguyễn Văn	Dũng	13/05/1976	Hải Dương	C	6.19	Trung Bình Khá
259	Trương Phúc	Đại	03/01/1966	Thanh Hóa	C	6.17	Trung Bình Khá
260	Võ Huy	Quang	27/02/1972	Thanh Hóa	C	6.17	Trung Bình Khá
261	Trịnh Văn	Thịnh	04/09/1982	Thanh Hóa	C	6.16	Trung Bình Khá
262	Phan Quang	Trung	09/09/1977	Thanh Hóa	C	6.15	Trung Bình Khá
263	Hà Thanh	Huyền	06/08/1968	Thanh Hóa	C	6.14	Trung Bình Khá
264	Nguyễn Tiến	Hải	19/05/1974	Nghệ An	D	6.13	Trung Bình Khá
265	Nguyễn Trọng	Phương	12/11/1970	Hải Dương	B	6.13	Trung Bình Khá
266	Vũ Văn	Quân	12/10/1979	Hải Dương	B	6.12	Trung Bình Khá
267	Đào Văn	Thao	16/04/1978	Thanh Hóa	C	6.12	Trung Bình Khá
268	Nguyễn Văn	Tư	15/02/1963	Nghệ An	D	6.10	Trung Bình Khá
269	Lê Đình	Huyền	18/10/1979	Thanh Hóa	B	6.07	Trung Bình Khá
270	Lê Văn	Huy	10/09/1979	Thanh Hóa	C	6.04	Trung Bình Khá
271	Mai Sỹ	Linh	10/01/1970	Thanh Hóa	C	6.04	Trung Bình Khá

Tổng số sinh viên: 271, trong đó:

Giỏi: 0 sinh viên

Khá: 117 sinh viên

Trung bình khá: 154 sinh viên

Trung bình: 0 sinh viên

NGƯỜI LẬP BIỂU

Thao
Lê Thị Thanh

HIỆU TRƯỞNG


Phạm Văn Chức
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Số: 688/ QĐ-YHP

Hải Phòng, ngày 21 tháng 08 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

***V/v công nhận tốt nghiệp Cử nhân điều dưỡng hệ chính quy
khoá 2008 - 2012***

Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng

- Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại Học Y Hải Phòng.
- Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy.
- Căn cứ vào biên bản của Hội đồng thi và xét tốt nghiệp cho sinh viên Cử nhân điều dưỡng hệ chính quy khoá 2008 - 2012.
- Theo đề nghị của Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Cử nhân điều dưỡng hệ chính quy cho **61 (Sáu mươi một)** sinh viên khoá 2008 - 2012 kể từ ngày 21/08/2012, trong đó có:

02 sinh viên tốt nghiệp loại **Giỏi**

38 sinh viên tốt nghiệp loại **Khá**

20 sinh viên tốt nghiệp loại **Trung bình khá**

01 sinh viên tốt nghiệp loại **Trung bình**

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Đào tạo Đại học, Tài chính kế toán, Trung tâm TT-Thư viện, Ban QL KTX và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ GD & ĐT (Vụ ĐH);
- Bộ Y tế (Vụ KHĐT);
- Như điều 2;
- Lưu: ĐTDH, HCTH.

Hiệu trưởng

(Đã ký)

GS. TS. Phạm Văn Thúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUY KHÓA 4 (2008-2012)
(kèm theo quyết định số 688/QĐ/YHP, ngày 21 tháng 8 năm 2012)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
1	Nguyễn Thị Lai	25/06/1990	Hải Phòng	A	8.27	Giỏi
2	Tăng Thị Hoài	13/11/1990	Hải Dương	A	8.18	Giỏi
3	Tăng Thị Ngọc Ánh	11/04/1990	Hải Dương	A	7.92	Khá
4	Nguyễn Thị Thu	13/09/1990	Hưng Yên	A	7.90	Khá
5	Nguyễn Thị Hòa	25/09/1990	Hải Dương	A	7.86	Khá
6	Đào Thị Thơm	07/12/1989	Hải Phòng	A	7.68	Khá
7	Vũ Thị Cẩm Doanh	05/09/1989	Hải Phòng	A	7.67	Khá
8	Phạm Thị Hồng Điệp	26/11/1989	Hải Dương	A	7.58	Khá
9	Hoàng Thị Phương Lan	20/10/1990	Hưng Yên	A	7.55	Khá
10	Đỗ Thị Hoa	28/06/1990	Hải Dương	A	7.53	Khá
11	Đỗ Thị Thảo	05/09/1989	Hải Phòng	A	7.53	Khá
12	Đặng Thị Thủy	03/02/1990	hà nội	A	7.49	Khá
13	Đỗ Thị Tố Lan	11/12/1990	Phú Thọ	A	7.48	Khá
14	Nguyễn Thị Ngân	30/10/1990	Hải Dương	A	7.48	Khá
15	Đặng Thị Thủy	05/03/1990	Bắc Ninh	A	7.48	Khá
16	Nguyễn Thị Huế	10/07/1990	Hải Dương	A	7.46	Khá
17	Nguyễn Thị Thu	20/06/1989	Thái Bình	A	7.46	Khá
18	Nguyễn Thị Trang	27/08/1990	Hưng Yên	A	7.46	Khá
19	Phan Thị Hải Yến	27/10/1990	Hưng Yên	A	7.46	Khá
20	Phạm Thị Duyên	29/06/1990	Hải Dương	A	7.45	Khá
21	Trần Thị Thanh Ngoan	14/01/1990	Hải Dương	A	7.43	Khá
22	Phạm Thị Thảo	20/08/1990	Hải Dương	A	7.40	Khá
23	Hoàng Thị Loan	16/03/1990	Hải Dương	A	7.39	Khá
24	Phạm Thị Châm	15/11/1990	Hải Dương	A	7.35	Khá
25	Nguyễn Thị Hoàn	10/02/1990	Hải Dương	A	7.27	Khá
26	Vũ Thị Ngọc	05/07/1990	Bắc Ninh	A	7.26	Khá
27	Lương Thanh Nhã	28/06/1990	Thái Bình	A	7.26	Khá
28	Nguyễn Thị Thu	15/12/1990	Hải Dương	A	7.24	Khá
29	Đỗ Thị Hồng Ngọc	19/02/1990	Hải Phòng	A	7.19	Khá
30	Phạm Thị Cẩm Vân	28/11/1990	Hải Dương	A	7.19	Khá
31	Trần Thị Đào	14/10/1989	Thanh Hóa	A	7.17	Khá
32	Đỗ Thị Kim Ngân	20/11/1990	Bắc Ninh	A	7.17	Khá
33	Hoàng Thị Thương	20/09/1990	Hải Phòng	A	7.16	Khá
34	Nguyễn Hữu Hải	11/07/1989	Thanh Hóa	A	7.10	Khá
35	Phạm Thị Thu	10/11/1990	Hải Dương	A	7.10	Khá
36	Lê Thị Vân Anh	06/10/1989	Hải Phòng	A	7.07	Khá
37	Phạm Thị Ánh	06/03/1990	Hải Phòng	A	7.07	Khá
38	Lê Hải Kiên	12/04/1990	Hưng Yên	A	7.07	Khá



STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
39	Đỗ Thị	Ninh	24/04/1990	Hải Dương	A	7.07	Khá
40	Nguyễn Thị	Hòa	27/11/1990	Lào Cai	A	7.03	Khá
41	Nguyễn Thị	Hường	27/05/1990	Hải Phòng	A	6.98	Trung Bình Khá
42	Lê Thị	Lý	29/12/1990	Nam Định	A	6.95	Trung Bình Khá
43	Dương Thị Hải	Vân	08/09/1989	Nam Định	A	6.94	Trung Bình Khá
44	Nguyễn Thị	Nhàn	16/01/1990	Hải Dương	A	6.92	Trung Bình Khá
45	Phí Thị Lan	Thu	15/11/1990	Thái Bình	A	6.92	Trung Bình Khá
46	Phạm Thị	Yến	31/03/1990	Hải Phòng	A	6.88	Trung Bình Khá
47	Ngô Thị Thu	Hà	04/12/1990	Hải Phòng	A	6.85	Trung Bình Khá
48	Đặng Bích	Ngọc	30/04/1990	Quảng Ninh	A	6.75	Trung Bình Khá
49	Trương Thị Thanh	Nga	25/04/1990	Hải Phòng	A	6.74	Trung Bình Khá
50	Vũ Hoàng	Thăng	27/10/1990	Nam Định	A	6.73	Trung Bình Khá
51	Trần Thị	Huyền	08/09/1989	Hung Yên	A	6.71	Trung Bình Khá
52	Nguyễn Thị	Chinh	04/01/1990	Vĩnh Phúc	A	6.68	Trung Bình Khá
53	Trịnh Văn	Vững	28/06/1990	Hải Phòng	A	6.67	Trung Bình Khá
54	Đoàn Văn	Công	24/05/1989	Hải Phòng	A	6.54	Trung Bình Khá
55	Phạm Quang	Hào	15/10/1990	Hải Dương	A	6.54	Trung Bình Khá
56	Đình Văn	Quân	01/06/1989	Hà Nội	A	6.46	Trung Bình Khá
57	Vũ Nhật	Thiên	07/05/1990	Hung Yên	A	6.44	Trung Bình Khá
58	Nguyễn Văn	Đạt	05/08/1990	Bắc Giang	A	6.34	Trung Bình Khá
59	Nguyễn Duy	Hải	17/12/1989	Hải Dương	A	6.28	Trung Bình Khá
60	Phan Như	Trường	21/05/1989	Hung Yên	A	6.22	Trung Bình Khá
61	Nguyễn Anh	Quang	22/08/1989	Hải Dương	A	5.91	Trung Bình

Tổng số sinh viên: 61, trong đó:

Giỏi: 2 sinh viên

Khá: 38 sinh viên

Trung bình khá: 20 sinh viên

Trung bình: 1 sinh viên

NGƯỜI LẬP BIỂU

Thao
Lê Văn Thảo

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

Số: 689/ QĐ-YHP

Hải Phòng, ngày 21 tháng 08 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

*V/v công nhận tốt nghiệp Cử nhân điều dưỡng đa khoa
Hệ vừa làm vừa học khoá 2008 - 2012*

Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng

- Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại Học Y Hải Phòng.
- Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy.
- Căn cứ vào biên bản của Hội đồng thi và xét tốt nghiệp cho sinh viên Cử nhân điều dưỡng đa khoa hệ vừa làm vừa học khoá 2008 - 2012.
- Theo đề nghị của Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Cử nhân điều dưỡng đa khoa hệ vừa làm vừa học cho **231 (Hai trăm ba mươi một)** sinh viên khoá 2008 - 2012 kể từ ngày 21/08/2012, trong đó có:

3 sinh viên tốt nghiệp loại **Giỏi**

195 sinh viên tốt nghiệp loại **Khá**

33 sinh viên tốt nghiệp loại **Trung bình khá**

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Đào tạo Đại học, Tài chính kế toán, Trung tâm TT-Thư viện, Ban QL KTX và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ GD & ĐT (Vụ ĐH);
- Bộ Y tế (Vụ KHĐT);
- Như điều 2;
- Lưu: ĐTDH, HCTH.

Hiệu trưởng

(Đã ký)

GS. TS. Phạm Văn Thúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHÓA 3 (2008-2012)
(kèm theo quyết định số 68/QĐ/YHP, ngày 21 tháng 8 năm 2012)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
1	Vũ Văn	Cường	20/08/1980	Thanh Hóa	Thanh Hóa	8.37	Giỏi
2	Lê Thị	Hảo	21/01/1979	Thanh Hóa	Thanh Hóa	8.26	Giỏi
3	Hoàng Thị	Sao	20/07/1982	Hải Dương	B	8.03	Giỏi
4	Đinh Thị Thúy	Nga	22/10/1971	Hà Tĩnh	Nghệ An	7.97	Khá
5	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	19/01/1974	Hải Dương	B	7.94	Khá
6	Nguyễn Thị Kim	Dung	01/07/1978	Nghệ An	Nghệ An	7.93	Khá
7	Nguyễn Thị	Xuân	02/03/1981	Hải Dương	B	7.93	Khá
8	Lưu Thị Hương	Giang	09/01/1976	Nghệ An	Nghệ An	7.90	Khá
9	Trần Văn	Hải	13/03/1974	Nghệ An	Nghệ An	7.90	Khá
10	Mai Thị Ngọc	Lan	13/04/1972	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.88	Khá
11	Nguyễn Thị	Tuyết	05/07/1976	Nghệ An	Nghệ An	7.88	Khá
12	Lương Thị	Nhan	10/08/1984	Hải Dương	B	7.86	Khá
13	Trương Thị Châu	Phương	03/11/1980	Huế	Nghệ An	7.85	Khá
14	Hoàng Thị Ngân	Hà	16/06/1974	Nghệ An	Nghệ An	7.79	Khá
15	Nguyễn Thị	Hoa	28/02/1985	Hải Phòng	A	7.79	Khá
16	Nguyễn Thị	Hoa	07/05/1966	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.78	Khá
17	Lê Nho	Khuê	01/06/1983	Bắc Ninh	B	7.76	Khá
18	Nguyễn Thị Thu	Hương	13/11/1979	Nghệ An	Nghệ An	7.74	Khá
19	Trần Thị	Nga	10/07/1979	Nghệ An	Nghệ An	7.74	Khá
20	Võ Thị Thúy	An	15/05/1976	Nghệ An	Nghệ An	7.73	Khá
21	Nguyễn Thị	Hoa	25/10/1978	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.73	Khá
22	Nguyễn Thị Hằng	Nguyệt	19/06/1977	Nghệ An	Nghệ An	7.73	Khá
23	Trần Thị Phương	Nhân	22/02/1974	Nghệ An	Nghệ An	7.73	Khá
24	Ngô Thị	Phú	20/11/1982	Nghệ An	Nghệ An	7.73	Khá
25	Vương Thị	Lê	20/12/1976	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.72	Khá
26	Dương Thị	Loan	28/04/1971	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.70	Khá
27	Nguyễn Thị	Đào	02/05/1984	Nghệ An	Nghệ An	7.69	Khá
28	Nguyễn Thị Thu	Hiền	04/10/1968	Nghệ An	Nghệ An	7.69	Khá
29	Nguyễn Thị	Huyền	17/09/1978	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.69	Khá
30	Trần Thị	Oanh	15/09/1973	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.69	Khá
31	Đường Thị	Thoan	08/08/1982	Hà Tĩnh	Nghệ An	7.69	Khá
32	Phạm Thị	Vân	28/07/1978	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.69	Khá
33	Nguyễn Thị	Bích	17/07/1984	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.67	Khá
34	Phan Thị	Thành	27/01/1979	Nghệ An	Nghệ An	7.67	Khá
35	Lê Thị	Quế	20/06/1973	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.66	Khá
36	Mai Thị	Huyền	28/04/1982	Nghệ An	Nghệ An	7.65	Khá
37	Bùi Thị Thu	Trang	19/05/1977	Hải Phòng	A	7.65	Khá

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
38	Sầm Thị	Hà	11/12/1978	Nghệ An	Nghệ An	7.64	Khá
39	Đào Thị	Loan	14/12/1984	Hải Dương	B	7.64	Khá
40	Lê Thị Hà	Lan	28/01/1984	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.63	Khá
41	Lê Thị	Nguyệt	05/06/1977	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.63	Khá
42	Đoàn Thị	Nhẫn	05/12/1979	Hải Phòng	A	7.63	Khá
43	Mai Thị	Chi	07/07/1982	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.62	Khá
44	Nguyễn Thị Thu	Hương	01/01/1978	Nghệ An	Nghệ An	7.62	Khá
45	Tô Thị Bích	Thành	19/11/1982	Quảng Ninh	A	7.62	Khá
46	Lê Thị	Trang	12/10/1981	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.62	Khá
47	Nguyễn Thị	Châm	30/09/1979	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.61	Khá
48	Vũ Thu	Hường	22/10/1982	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.61	Khá
49	Lê Thị Thúy	Liêm	06/03/1984	Quảng Ninh	A	7.60	Khá
50	Trần Minh	Son	15/02/1970	Nghệ An	Nghệ An	7.60	Khá
51	Nguyễn Quốc	Tính	27/01/1979	Nghệ An	Nghệ An	7.60	Khá
52	Quách Thị Thanh	Bình	10/12/1975	Thái Bình	Nghệ An	7.59	Khá
53	Phạm Thị	Ngân	17/09/1982	Hải Phòng	A	7.59	Khá
54	Phùng Thị Ngọc	Tú	25/05/1977	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.59	Khá
55	Nguyễn Thị Lan	Anh	08/09/1979	Nam Định	Thanh Hóa	7.58	Khá
56	Phạm Thị Thu	Hà	30/06/1983	Nam Định	A	7.58	Khá
57	Phan Thị	Hoa	28/01/1972	Nghệ An	Nghệ An	7.58	Khá
58	Lê Thị	Mai	20/06/1982	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.58	Khá
59	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	18/11/1982	Hải Phòng	A	7.58	Khá
60	Phùng Thị Phương	Thảo	17/09/1982	Hải Phòng	A	7.58	Khá
61	Phạm Đăng	Tú	23/03/1982	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.58	Khá
62	Nguyễn Văn	Tiến	03/04/1983	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.57	Khá
63	Đoàn Thị	Hà	15/11/1976	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.56	Khá
64	Nguyễn Xuân	Long	13/07/1965	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.56	Khá
65	Bùi Thị	Thủy	15/10/1976	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.56	Khá
66	Lê Thị Quế	Tường	30/09/1973	Nghệ An	Nghệ An	7.56	Khá
67	Cao Thị	Kỳ	01/11/1982	Nghệ An	Nghệ An	7.55	Khá
68	Nguyễn Văn	Nam	25/08/1981	Hải Phòng	A	7.55	Khá
69	Hoàng Thị Hồng	Thắm	16/06/1976	Nghệ An	Nghệ An	7.55	Khá
70	Nguyễn Thị Mai	Thơ	01/11/1981	Hải Phòng	A	7.55	Khá
71	Vũ Thị	Hoa	17/10/1981	Hải Phòng	A	7.54	Khá
72	Mai Thị	Hoa	25/10/1977	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.54	Khá
73	Lê Thị	Nam	04/08/1967	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.54	Khá
74	Nguyễn Hồng	Nhung	08/10/1974	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.54	Khá
75	Nguyễn Thị	Thanh	27/09/1977	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.54	Khá
76	Lê Thị	Hạnh	18/01/1980	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.53	Khá
77	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	14/01/1978	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.53	Khá

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
78	Lê Thị	Hương	02/02/1985	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.53	Khá
79	Trương Thị Lan	Anh	17/03/1984	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.52	Khá
80	Phan Thị	Hào	09/11/1968	Nghệ An	Nghệ An	7.52	Khá
81	Vũ Thị	Nhíp	11/12/1984	Hải Phòng	A	7.52	Khá
82	Ngô Thị Hải	Yến	25/04/1974	Bắc Ninh	B	7.52	Khá
83	Phan Thị	Dung	08/02/1981	Nghệ An	Nghệ An	7.51	Khá
84	Nguyễn Thị	Hà	16/10/1983	Nghệ An	Nghệ An	7.51	Khá
85	Nguyễn Văn	Lượng	20/09/1982	Nghệ An	Nghệ An	7.51	Khá
86	Ngô Thị	Quý	07/06/1982	Quảng Ninh	A	7.51	Khá
87	Trương Thị	Thảo	28/10/1981	Hải Phòng	A	7.51	Khá
88	Trần Thị	Thúy	30/06/1974	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.51	Khá
89	Nguyễn Anh	Toàn	04/09/1984	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.51	Khá
90	Phạm Thị	Sen	26/09/1980	Quảng Ninh	A	7.50	Khá
91	Đặng Thị	Tân	08/08/1981	Nghệ An	Nghệ An	7.50	Khá
92	Nguyễn Thị Thu	Thanh	18/07/1982	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.50	Khá
93	Bùi Thị Kim	Thoa	16/06/1975	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.50	Khá
94	Nguyễn Thị	Uyển	23/11/1973	Nghệ An	Nghệ An	7.49	Khá
95	Nguyễn Thị Hải	Hà	15/11/1985	Nam Định	A	7.48	Khá
96	Nguyễn Thị Thu	Hương	03/07/1977	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.48	Khá
97	Ngô Thị	Lệ	30/06/1978	Bắc Ninh	B	7.48	Khá
98	Ngô Văn	Minh	19/09/1978	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.48	Khá
99	Lê Thị	Thanh	04/04/1981	Nghệ An	Nghệ An	7.48	Khá
100	Phan Văn	Ninh	02/02/1973	Nghệ An	Nghệ An	7.47	Khá
101	Đào Thị	Phúc	20/04/1977	Hải Phòng	A	7.47	Khá
102	Từ Thị	Quý	15/07/1968	Hà Tĩnh	Nghệ An	7.47	Khá
103	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	05/01/1984	Hải Dương	B	7.46	Khá
104	Phạm Ngọc	Huấn	03/04/1985	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.46	Khá
105	Nguyễn Hồng	Minh	02/07/1977	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.46	Khá
106	Nguyễn Thị Thu	Hà	23/08/1980	Hải Phòng	A	7.45	Khá
107	Lê Thị	Hợp	04/09/1982	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.45	Khá
108	Trần Thị	Phượng	13/11/1984	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.45	Khá
109	Nguyễn Thị	Hường	01/03/1982	Nghệ An	Nghệ An	7.44	Khá
110	Phạm Thị	Hạnh	04/10/1981	Hải Dương	B	7.43	Khá
111	Cao Văn	Tâm	11/01/1983	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.43	Khá
112	Nguyễn Thị	Hà	21/09/1979	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.42	Khá
113	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12/01/1981	Hải Dương	B	7.41	Khá
114	Lê Thị	Bảy	20/11/1969	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.39	Khá
115	Nguyễn Thị Hương	Mai	13/03/1982	Hải Phòng	A	7.39	Khá
116	Ngô Thị	Oanh	01/01/1978	Nghệ An	Nghệ An	7.39	Khá
117	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	07/04/1979	Nghệ An	Nghệ An	7.38	Khá

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
118	Nguyễn Thị	Thành	15/10/1980	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.38	Khá
119	Hoàng Thị	Vinh	10/01/1982	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.38	Khá
120	Lê Quang	Hòa	12/03/1984	Nghệ An	Nghệ An	7.37	Khá
121	Hà Thị	Lý	23/06/1983	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.36	Khá
122	Hoàng Thanh	Nga	12/10/1981	Hải Phòng	A	7.36	Khá
123	Nguyễn Thị	Thom	27/10/1985	Bắc Ninh	B	7.36	Khá
124	Nguyễn Trọng	Cường	26/11/1960	Hải Dương	B	7.35	Khá
125	Nguyễn Thị Bích	Liên	03/02/1974	Bắc Ninh	B	7.34	Khá
126	Nguyễn Ngọc	Thom	13/04/1982	Bắc Ninh	B	7.34	Khá
127	Phan Thị	Thom	14/10/1982	Hải Dương	B	7.34	Khá
128	Lê Thị	Vân	21/06/1970	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.34	Khá
129	Nguyễn Thị	Dung	10/03/1982	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.33	Khá
130	Lê Thị	Hương	22/06/1974	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.33	Khá
131	Ngô Thị Thanh	Xuân	05/04/1979	Quảng Ninh	A	7.33	Khá
132	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	10/11/1978	Bắc Ninh	B	7.32	Khá
133	Nguyễn Thị Bích	Hường	29/11/1977	Bắc Ninh	B	7.32	Khá
134	Trần Thị Thanh	Thúy	29/12/1982	Hải Phòng	A	7.32	Khá
135	Nguyễn Thị Thu	Hà	06/07/1985	Bắc Ninh	B	7.31	Khá
136	Trần Xuân	Văn	28/10/1982	Hải Dương	A	7.31	Khá
137	Trần Thọ	Dũng	01/12/1971	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.30	Khá
138	Nguyễn Thị	Mai	07/11/1977	Bắc Ninh	B	7.30	Khá
139	Lưu Thị	Ngọc	28/09/1979	Bắc Ninh	B	7.30	Khá
140	Nguyễn Thị	Oanh	14/03/1970	Bắc Ninh	B	7.30	Khá
141	Nguyễn Thị	Hà	03/02/1971	Bắc Ninh	B	7.29	Khá
142	Bùi Thị Thúy	Hồng	18/03/1975	Hải Phòng	A	7.28	Khá
143	Khuất Duy	Lai	01/07/1983	Hà Tây	A	7.28	Khá
144	Trương Thị Thanh	Mai	12/05/1973	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.28	Khá
145	Trần Thị	Nga	24/11/1975	Hải Dương	B	7.28	Khá
146	Lâm Thị	Bích	09/02/1985	Hải Phòng	A	7.27	Khá
147	Nguyễn Phương	Đông	05/06/1980	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.26	Khá
148	Phan Thị Thu	Hà	25/09/1983	Hải Phòng	A	7.26	Khá
149	Doãn Thị	Hương	13/09/1978	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.26	Khá
150	Trần Thị	Nga	11/12/1984	Hải Dương	B	7.26	Khá
151	Phan Anh	Định	22/08/1982	Hải Phòng	A	7.25	Khá
152	Vũ Trọng	Quyết	16/03/1984	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.25	Khá
153	Nguyễn Thị	Dung	25/02/1984	Hà Nội	A	7.24	Khá
154	Nguyễn Thị	Huyền	19/02/1980	Bắc Ninh	B	7.24	Khá
155	Nguyễn Thị Thu	Phương	24/06/1978	Hải Dương	A	7.24	Khá
156	Nguyễn Thị	Dơn	10/05/1983	Bắc Ninh	B	7.22	Khá
157	Nguyễn Thị	Hà	10/10/1980	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.22	Khá

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
158	Nguyễn Thị Thu	Hoài	05/09/1982	Quảng Ninh	A	7.22	Khá
159	Nguyễn Thị	Đức	05/10/1981	Bắc Ninh	B	7.21	Khá
160	Lê Thị	Gấm	18/11/1978	Bắc Ninh	B	7.21	Khá
161	Nguyễn Thị	Liên	23/06/1984	Hải Dương	B	7.21	Khá
162	Hoàng Ngọc	Sáng	10/05/1967	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.21	Khá
163	Bùi Thị	Xim	28/09/1981	Hải Dương	B	7.20	Khá
164	Hoàng Thị Tuyết	Mai	03/07/1982	Bắc Ninh	B	7.19	Khá
165	Lương Thị	Thủy	27/07/1974	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.19	Khá
166	Nguyễn Huy	Tuấn	29/06/1979	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.19	Khá
167	Nguyễn Thị	Biên	12/08/1976	Bắc Ninh	B	7.18	Khá
168	Đỗ Tiến	Dũng	02/08/1975	Hải Phòng	A	7.18	Khá
169	Vũ Thị Thanh	Huyền	05/09/1974	Hải Dương	B	7.17	Khá
170	Nguyễn Bá	Ngọc	09/02/1979	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.17	Khá
171	Ngô Thị	Nhàn	13/03/1978	Bắc Ninh	B	7.17	Khá
172	Lê Thị Quý	Nhung	06/06/1979	Hải Phòng	A	7.17	Khá
173	Phạm Thị Thu	Phương	14/06/1981	Quảng Ninh	A	7.16	Khá
174	An Thị Hồng	Đào	08/01/1983	Hải Phòng	A	7.15	Khá
175	Nguyễn Văn	Anh	10/10/1981	Hải Dương	B	7.14	Khá
176	Nguyễn Như	Hoa	07/07/1984	Hải Dương	B	7.14	Khá
177	Từ Bích	Thủy	03/08/1982	Quảng Ninh	A	7.14	Khá
178	Trần Đình	Nhưỡng	22/06/1974	Hải Dương	B	7.13	Khá
179	Nguyễn Thị Thu	Hiền	28/11/1979	Bắc Ninh	B	7.12	Khá
180	Bùi Trí	Tuấn	21/10/1983	Hải Dương	B	7.12	Khá
181	Bùi Thị	Ứng	17/05/1971	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.12	Khá
182	Hoàng Thị	Dậu	02/05/1981	Hải Dương	B	7.11	Khá
183	Nguyễn Thị Bích	Liên	22/07/1976	Bắc Ninh	B	7.11	Khá
184	Phạm Đình	Nam	15/10/1982	Hải Dương	B	7.10	Khá
185	Nguyễn Thị	Hiền	25/10/1972	Hải Phòng	A	7.09	Khá
186	Vũ Thị	Hường	08/03/1982	Hải Dương	B	7.09	Khá
187	Vũ Thị Tuyết	Mai	06/10/1979	Bắc Ninh	B	7.09	Khá
188	Nguyễn Thị	Thu	13/12/1980	Hải Dương	B	7.09	Khá
189	Nguyễn Thị Minh	Lý	24/04/1971	Quảng Ninh	B	7.08	Khá
190	Nguyễn Mạnh	Dũng	17/10/1971	Bắc Ninh	B	7.07	Khá
191	Bùi Văn	Thuyết	18/08/1974	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.07	Khá
192	Nguyễn Thị Thu	Hà	12/05/1984	Hải Phòng	A	7.06	Khá
193	Lê Thị	Nga	25/10/1984	hưng yên	B	7.05	Khá
194	Nguyễn Xuân	Quỳnh	15/12/1980	Bắc Ninh	B	7.05	Khá
195	Phạm Văn	Hung	15/02/1984	Hải Dương	B	7.04	Khá
196	Nguyễn Thị Mỹ	Bình	10/08/1981	Hải Dương	B	7.01	Khá
197	Vũ Thị	Chiên	21/04/1975	Hải Dương	B	7.01	Khá

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
198	Bùi Văn	Tuấn	01/11/1970	Thanh Hóa	Thanh Hóa	7.01	Khá
199	Phan Thị Anh	Đào	09/02/1983	Thái Bình	A	6.99	Trung Bình Khá
200	Nguyễn Thị	Dịu	10/04/1980	Quảng Ninh	A	6.99	Trung Bình Khá
201	Trần Thị	Chan	16/06/1979	Bắc Ninh	B	6.98	Trung Bình Khá
202	Nguyễn Thị Thùy	Linh	14/10/1982	Quảng Ninh	A	6.98	Trung Bình Khá
203	Nguyễn Văn	Hanh	09/07/1979	Bắc Ninh	B	6.95	Trung Bình Khá
204	Trần Thanh	Hào	14/07/1983	hưng yên	A	6.95	Trung Bình Khá
205	Nguyễn Thị Mai	Hòa	27/07/1975	Hà Nội	B	6.95	Trung Bình Khá
206	Nguyễn Duy	Hồng	05/08/1974	Bắc Ninh	B	6.95	Trung Bình Khá
207	Nguyễn Thế	Anh	15/04/1972	Bắc Ninh	B	6.94	Trung Bình Khá
208	Vũ Thị Mai	Lý	04/06/1981	Hải Dương	B	6.92	Trung Bình Khá
209	Lê Văn	Hội	20/04/1978	Thanh Hóa	Thanh Hóa	6.91	Trung Bình Khá
210	Nguyễn Văn	Dũng	26/12/1975	Bắc Ninh	B	6.88	Trung Bình Khá
211	Lê Thị	Thanh	30/09/1975	Bắc Giang	B	6.87	Trung Bình Khá
212	Hoàng Lê	Uyên	03/02/1975	Bắc Ninh	B	6.87	Trung Bình Khá
213	Phạm Thị	Hạnh	16/08/1977	Hải Dương	B	6.86	Trung Bình Khá
214	Nguyễn Thị Cẩm	Khanh	16/08/1972	Hải Dương	B	6.86	Trung Bình Khá
215	Vũ Thị	Phương	18/11/1974	hải hưng	B	6.84	Trung Bình Khá
216	Bùi Thị	Phượng	31/10/1966	Hải Dương	B	6.84	Trung Bình Khá
217	Nguyễn Thị Bích	Luyến	28/03/1982	Quảng Ninh	A	6.81	Trung Bình Khá
218	Ngô Xuân	Tiến	22/06/1979	Bắc Ninh	B	6.79	Trung Bình Khá
219	Nguyễn Thị	Sánh	28/02/1977	Bắc Ninh	B	6.77	Trung Bình Khá
220	Nguyễn Đình	Thạnh	23/08/1985	Hải Dương	B	6.75	Trung Bình Khá
221	Phạm Quang	Điệu	25/08/1980	Thái Bình	B	6.74	Trung Bình Khá
222	Nguyễn Thị Hằng	Nga	04/01/1977	Bắc Ninh	B	6.72	Trung Bình Khá
223	Nguyễn Quang	Dũng	15/11/1974	Hải Dương	B	6.71	Trung Bình Khá
224	Nguyễn Thị	Hằng	27/08/1979	Bắc Ninh	B	6.67	Trung Bình Khá
225	Vũ Thị	Liên	27/10/1980	Bắc Ninh	B	6.67	Trung Bình Khá
226	Hoàng Thị	Hậu	30/03/1983	Bắc Ninh	B	6.66	Trung Bình Khá
227	Nguyễn Đình	Thành	15/11/1983	Hải Dương	B	6.60	Trung Bình Khá
228	Nguyễn Văn	Ánh	09/09/1972	Hải Dương	B	6.56	Trung Bình Khá
229	Lê Tất	Thắng	23/01/1969	Vĩnh Phúc	B	6.54	Trung Bình Khá
230	Phùng Thị	Ân	13/12/1969	Bắc Ninh	B	6.44	Trung Bình Khá
231	Mai Xuân	Dân	10/10/1963	Hải Dương	B	6.41	Trung Bình Khá

Tổng số sinh viên: 231, trong đó:

Giỏi: 3 sinh viên

Khá: 195 sinh viên

Trung bình khá: 33 sinh viên

Trung bình: 0 sinh viên

NGƯỜI LẬP BIỂU

Thư



HIỆU TRƯỞNG

[Signature]

Số: 690/ QĐ-YHP

Hải Phòng, ngày 21 tháng 08 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

*V/v công nhận tốt nghiệp Cử nhân điều dưỡng
chuyên ngành sản phụ khoa hệ vừa làm vừa học khoá 2008 - 2012*

Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng

- Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại Học Y Hải Phòng.
- Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy.
- Căn cứ vào biên bản của Hội đồng thi và xét tốt nghiệp cho sinh viên Cử nhân điều dưỡng sản khoa hệ vừa làm vừa học khoá 2008 - 2012.
- Theo đề nghị của Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Cử nhân điều dưỡng sản khoa hệ vừa làm vừa học cho **37 (Ba mươi bảy)** sinh viên khoá 2008 - 2012 kể từ ngày 21/08/2012, trong đó có:

02 sinh viên tốt nghiệp loại **Giỏi**

35 sinh viên tốt nghiệp loại **Khá**

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Đào tạo Đại học, Tài chính kế toán, Trung tâm TT-Thư viện, Ban QL KTX và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ GD & ĐT (Vụ ĐH);
- Bộ Y tế (Vụ KHĐT);
- Như điều 2;
- Lưu: ĐTDH, HCTH.

Hiệu trưởng

(Đã ký)

GS. TS. Phạm Văn Thúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN NGÀNH SẢN PHỤ KHOA HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHÓA 3 (2008-2012)
(kèm theo quyết định số 41/QĐ/YHP, ngày 21 tháng 8 năm 2012)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
1	Phạm Thị Năm	01/12/1967	Hải Phòng	B	8.24	Giỏi
2	Vũ Thị Hương	15/08/1973	Hải Phòng	B	8.12	Giỏi
3	Hoàng Thị Thu Hằng	25/11/1982	Hải Dương	B	7.97	Khá
4	Dương Thu Phương	10/01/1978	Hải Phòng	B	7.89	Khá
5	Bùi Thị Hương	20/07/1982	Hải Phòng	B	7.78	Khá
6	Trần Thị Thanh Huyền	07/07/1983	Hải Phòng	B	7.78	Khá
7	Nguyễn Thị Chung	28/11/1982	Bắc Giang	B	7.73	Khá
8	Nguyễn Thị Hoa	20/08/1968	Hải Phòng	B	7.69	Khá
9	Nguyễn Thị Lý	26/06/1981	Hải Dương	B	7.68	Khá
10	Bùi Thị Chiến	27/01/1967	Hải Phòng	B	7.66	Khá
11	Đỗ Thị Luận	25/12/1982	Hải Phòng	B	7.65	Khá
12	Tạ Thị Hiền	12/10/1968	Hải Phòng	B	7.64	Khá
13	Lê Thị Vui	10/10/1979	Hải Dương	B	7.64	Khá
14	Phạm Thị Bích	10/03/1980	Hải Phòng	B	7.62	Khá
15	Nguyễn Thị Lánh	10/05/1974	Hải Phòng	B	7.62	Khá
16	Nguyễn Thị Châm	20/10/1974	Hải Phòng	B	7.59	Khá
17	Vũ Thị Nhường	16/02/1978	Quảng Ninh	B	7.59	Khá
18	Vũ Thị Thoa	08/02/1982	Hải Dương	B	7.59	Khá
19	Lê Thị Bền	07/09/1973	Hải Phòng	B	7.57	Khá
20	Nguyễn Thị Thu Hiền	08/08/1974	Hải Phòng	B	7.56	Khá
21	Nguyễn Thị Hòa	30/10/1973	Quảng Ninh	B	7.53	Khá
22	Phạm Thị Miên	29/08/1982	Hải Phòng	B	7.53	Khá
23	Phạm Thị Ngải	14/04/1985	Hải Dương	B	7.52	Khá
24	Nguyễn Thị Hạnh	02/09/1981	Nghệ An	B	7.51	Khá
25	Lưu Thị Hiền	07/03/1982	Hải Phòng	B	7.51	Khá
26	Nguyễn Thị Kim Oanh	28/12/1980	Hải Phòng	B	7.5	Khá
27	Bùi Thị Hạnh	23/04/1968	Hải Phòng	B	7.45	Khá
28	Lê Thị Luyến	18/04/1982	Bắc Giang	B	7.45	Khá
29	Phạm Thị Ân	02/09/1975	Hải Phòng	B	7.42	Khá
30	Dương Thị Hùng	18/10/1980	Hải Dương	B	7.37	Khá
31	Nguyễn Thị Thanh Giang	28/02/1975	Hải Phòng	B	7.36	Khá
32	Từ Thị Kim Oanh	22/01/1980	Quảng Ninh	B	7.36	Khá
33	Nguyễn Thị Hiền	05/11/1979	Hải Dương	B	7.29	Khá
34	Vũ Thị Luận	19/08/1975	Hải Phòng	B	7.28	Khá
35	Nguyễn Thị Dung	19/05/1965	Quảng Ninh	B	7.24	Khá



STT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
36	Trần Thị Huê	18/02/1980	Bắc Giang	B	7.17	Khá
37	Vũ Cẩm Thủy	22/06/1981	Hải Phòng	B	7.08	Khá

Tổng số sinh viên: 37, trong đó:

Giỏi: 2 sinh viên

Khá: 35 sinh viên

Trung bình khá: 0 sinh viên

Trung bình: 0 sinh viên

NGƯỜI LẬP BIỂU

Thấu
Lê Diễm Thuần

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Phạm Văn Chức

